

TỔNG GIÁM MỤC NGUYỄN VĂN BÌNH NHÂN VẬT CỦA NHỮNG THỜI ĐIỂM LỊCH SỬ

Tóm tắt: *Lịch sử Công giáo ở Việt Nam giai đoạn từ năm 1954 đến nay xuất hiện nhiều nhân vật nổi trội, gắn liền với những sự kiện lịch sử của Công giáo và Dân tộc, trong đó có Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình. Bài viết này góp phần làm rõ hơn đóng góp của Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Sài Gòn (sau này là Tổng Giáo phận Thành phố Hồ Chí Minh) Nguyễn Văn Bình, “một nhân vật của những thời điểm lịch sử có tính bước ngoặt” với Công giáo ở Việt Nam và Dân tộc Việt Nam. Nhiều tư tưởng và việc làm của ông, nhất là đường hướng “Hội nhập - Canh tân - Hòa giải”, trong những thời điểm lịch sử quan trọng của đất nước vẫn còn nguyên giá trị trong giai đoạn hiện nay.*

Từ khóa: *Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, Công giáo Việt Nam, Hội đồng Giám mục Việt Nam, Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.*

1. Nhập đề

Cuộc đời của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, từ đời sống của một người tu hành đến đời sống của một người hoạt động xã hội trải dài một đoạn lịch sử quan trọng của Công giáo Việt Nam thời cận hiện đại. “Đức Tổng Bình”, như cách gọi thân thuộc của cộng đồng giáo hữu, đã để lại dấu ấn không thể phai mờ trong những chặng đường đầy thách thức đối với Công giáo Việt Nam. Ông là “Đức Tổng” của những ý tưởng cao đẹp nơi người Công giáo Việt Nam “trước khi là người Công giáo tôi đã là người Việt Nam”, của tình tự dân tộc trong chiến tranh giải phóng dân tộc, của đường hướng hòa bình, hòa hợp và hòa giải dân tộc. Nổi trội nhất, ông đã trở thành “người cha tinh thần” của một đường hướng chính trị - xã hội và tôn giáo nổi tiếng “sống Phúc Âm giữa lòng dân tộc...” (*Thư Chung 1980*).

Thư tịch của Công giáo ở Việt Nam đến nay vẫn chưa có một chuyên luận riêng viết về ông. Nhưng ông thực sự đã trở thành đối tượng nghiên cứu, ít nhất cũng là một đối tượng thường nhật, được đề cập và bình luận suốt mấy chục năm qua của các nhà nghiên cứu trong và ngoài Công giáo, trong và ngoài nước vì tính hấp dẫn mà những hành vi, những dấu chỉ Đạo - Đời mà nhân vật này để lại.

2. Những thời điểm lịch sử của một Giáo hội và một cá nhân

*. GS. TS., Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nghiên cứu tiểu sử của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, chúng tôi đặc biệt chú ý hai giai đoạn then chốt, đó là giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975 và giai đoạn từ năm 1975 đến những năm tháng cuối đời của ông. Thực ra, trên cái nền lịch sử nhiều biến động và gay gắt của giai đoạn này, Công giáo Việt Nam có rất nhiều nhân vật nổi trội gắn liền với những sự kiện lịch sử của Công giáo và dân tộc, thậm chí gắn liền với những bước ngoặt của lịch sử. Chẳng hạn, nếu không biết được và hiểu được hoạt động của những nhân vật như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, Ngô Đình Thục, Hoàng Văn Đoàn... thì khó có thể hiểu hết được lịch sử Công giáo Việt Nam từ sau Hiệp định Giơnevơ đến khi giải phóng Miền Nam ngày 30/4/1975, hay nói theo ngôn ngữ lịch sử chính thống là lịch sử hai cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ và thống nhất Tổ quốc. Cũng như vậy, với lịch sử của Công giáo Việt Nam từ năm 1975 đến nay, người ta không thể bỏ qua hoạt động của các nhân vật như Nguyễn Kim Điền, Nguyễn Sơn Lâm, Trịnh Văn Căn, Trịnh Như Khuê... và tất nhiên có Nguyễn Văn Bình.

Vấn đề là ở chỗ cần phải làm rõ hơn trạng thái, vị thế và “những đòi hỏi lịch sử” với Công giáo Việt Nam ở những thời điểm ấy là gì, và những con người được coi là “nhân vật” của những thời điểm lịch sử ấy đã góp phần giải quyết nó như thế nào, tạo khả năng đưa Công giáo ở Việt Nam sang trang sử mới.

Thời điểm lịch sử thứ nhất: Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và Công giáo Việt Nam từ năm 1960 đến năm 1975

Sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, trong điều kiện thế giới chia thành phe Xã hội chủ nghĩa và phe Tư bản chủ nghĩa, cục diện Chiến tranh Lạnh đã diễn ra ngày càng gay gắt. Chưa bao giờ vấn đề tôn giáo, đặc biệt là Công giáo, lại trở thành một vấn đề chính trị lớn trong nhiều quốc gia, nhiều khu vực. Cùng với quá trình giải thể chủ nghĩa thực dân, Công giáo ở nhiều nước Châu Á, nhất là những nước trong quỹ đạo của Chủ nghĩa Cộng sản như Việt Nam, thực sự đứng trước một cục diện mới. Nhận xét về điều này, có nhà nghiên cứu lịch sử Kitô giáo hiện đại ở Châu Á đã viết: “Những vấn đề đặt ra sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Hai, trước sự phát triển rất ấn tượng của Chủ nghĩa Cộng sản và những điều kiện do hoàn cảnh chính trị bất lợi đặt ra buộc phần lớn các Giáo hội Á Châu phải thích nghi với cơ cấu tổ chức đã được thừa kế từ thời kỳ truyền giáo, bằng cách tìm kiếm những khả năng tồn tại cho mình, đôi khi là bất hợp pháp. Tất cả phải học cách thỏa hiệp với môi trường chính trị văn hóa - xã hội của các học thuyết, các tôn giáo, triết học”⁽¹⁾.

Chúng ta hãy trở lại với tình hình của Công giáo ở Miền Nam trước và sau khi Giáo hoàng Gioan XXIII cho lập hàng giáo phẩm bản địa ở Việt Nam vào năm 1960. Sự kiện này, theo chúng tôi, đặt ra cho Công giáo Việt Nam, trước hết ở Miền Nam, ba vấn đề sau đây:

Một là, việc được thừa nhận chấm dứt giai đoạn lịch sử truyền giáo và chế độ Đại diện Tông tòa, chủ yếu của các giám mục nước ngoài, qua giai đoạn hàng giáo sĩ bản địa nắm quyền, nhưng lại trong điều kiện đất nước chia cắt. Ngay tại Miền Nam, Giáo hội cũng phải tự giải “bài toán Nam - Bắc” trong vấn đề nhân sự cũng như việc phân chia các giáo phận.

Hai là, đặc điểm chính trị ở Miền Nam là chính quyền Đệ nhất cộng hòa của Ngô Đình Diệm vốn dựa vào Công giáo và tính cách gia đình trị, khiến chính quyền cũng như Giáo hội có những xung đột trong việc bố trí các nhân vật “chủ chốt”. Bình luận về việc này, gần đây nhất, Linh mục Thiện Cẩm có viết: “Hồi ấy, chính quyền Việt Nam Cộng hòa mong muốn cho Đức cha Ngô Đình Thực được chuyển từ Vĩnh Long về làm Tổng Giám mục Sài Gòn. Ngài vừa là bào huynh của Tổng thống, vừa là niên trưởng của các giám mục Miền Nam, thế nên uy thế rất mạnh. Nhưng Tòa Thánh rất khôn ngoan, đã đưa Đức Tổng Giám mục Ngô Đình Thực về Huế, quê hương của Ngài, và chuyển Đức Tổng Nguyễn Văn Bình từ Cần Thơ lên Sài Gòn”⁽²⁾.

Ba là, bài toán giải quyết di sản của một Giáo hội mà những giai đoạn quan trọng nhất của thời kỳ truyền giáo lại là thời thuộc địa chịu những ảnh hưởng nặng nề, dù được nâng đỡ không ít của chủ nghĩa thực dân. Hơn thế nữa, nỗi trạng “Kitô giới” (Chretienté) kinh viện kéo dài trong lịch sử trước Công đồng Vatican II, để tạo ra diện mạo mới của một Giáo hội tự lập. Điều này đòi hỏi trên mọi chiều kích: thần học, đời sống linh đạo, cơ cấu tổ chức, cho tới thực hành nghi lễ phụng vụ, đời sống đức tin.

Tất cả những điều trên lại diễn ra trong điều kiện chiến tranh ác liệt.

Ngày 24/10/1960, đánh dấu một thời điểm quan trọng của lịch sử Công giáo Việt Nam, khi được Tòa Thánh ban Tông hiến nâng hàng giáo phẩm bản quốc, thành lập 3 giáo tỉnh ở Hà Nội, Huế và Sài Gòn, chấm dứt lịch sử truyền giáo hàng trăm năm. Với Giám mục Nguyễn Văn Bình, đây là dấu mốc đầu tiên khi được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục Sài Gòn, Tổng Giáo phận lớn và quan trọng nhất ở nước ta lúc đó⁽³⁾.

Vai trò lịch sử của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, theo chúng tôi, có lẽ được thể hiện ở những chiều kích sau đây:

- *Thứ nhất*, về phương diện nhân sự, việc lựa chọn Giám mục Cần Thơ tấn phong Tổng Giám mục Chính tòa tiên khởi của Tổng Giáo phận Sài Gòn giải quyết được bài toán chính trị - tôn giáo phức tạp lúc đó giữa Tòa Thánh và Chính quyền Sài Gòn. Không ít người, chẳng hạn như Linh mục Thiện Cẩm, đã nhận xét sự “rất khôn ngoan” đó của Tòa Thánh. Theo chúng tôi, cũng cần nhấn mạnh thêm rằng, việc lựa chọn này còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết những

“xung đột Nam - Bắc” khi âm ỉ, khi bộc lộ gay gắt trong nội bộ Công giáo Miền Nam từ sau năm 1954.

Cuộc di cư năm 1954, trong đó chủ yếu là lực lượng người Công giáo Miền Bắc đã thay đổi hoàn toàn bản đồ địa - tôn giáo của Công giáo nước ta, khi mà Miền Nam đã chiếm tới 7/9 giáo dân cả nước. Các giám mục di cư như Lê Hữu Từ, Phạm Ngọc Chi, Hoàng Quỳnh... có vai trò rất lớn, bên cạnh trường hợp Giám mục Ngô Đình Thục. Rõ ràng Giám mục Nguyễn Văn Bình, từ tính cách đến nguồn gốc xuất thân là phù hợp với tâm lý số đông của giáo dân Miền Nam⁽⁴⁾.

- *Thứ hai*, điều quan trọng hơn ngay lúc đó là Giám mục Nguyễn Văn Bình thể hiện được những khả năng của một đường hướng tôn giáo - chính trị thích hợp mà bản thân Tòa Thánh đã sớm thấy. Một “mục tử” thuần thành, mẫu mực, giản dị và từ trong bản chất đã sớm bộc lộ đường hướng canh tân và hòa giải, rất phù hợp với những tư tưởng thần học có tính bước ngoặt của Công đồng Vatican II (1962-1965).

Về mặt chính trị, Giám mục Nguyễn Văn Bình còn là người có khả năng giữ được mối quan hệ đúng đắn, “giữ được một khoảng cách cần thiết giữa chính trị và tôn giáo”, khi mà chế độ Ngô Đình Diệm ngày càng lộ rõ tính chất chống cộng sản, độc tôn Công giáo, kỳ thị các tôn giáo khác.

Đời sống tôn giáo - chính trị, xã hội ở Miền Nam nước ta lúc đó đặc biệt cần những mẫu người như thế này, điều mà Tòa Thánh sớm thấy. Những năm gay gắt của cuộc chiến tranh cục bộ, khi lực lượng quân Mỹ ngày càng đông đảo ở Miền Nam, đường hướng bác ái, hòa giải trên cơ sở tình tự dân tộc của Giám mục Nguyễn Văn Bình đã bắt đầu có những hiệu ứng tôn giáo và xã hội tích cực. Thành phố Sài Gòn lúc đó đã bắt đầu nổi lên các cuộc vận động chính trị và tôn giáo đòi dân chủ, hòa bình, dân sinh kết hợp với các cuộc bãi công, bãi khóa... Đây là đêm trước của phong trào tìm về dân tộc nổi tiếng của người Công giáo Miền Nam. Người Công giáo Miền Nam đã ghi nhận thái độ đúng đắn ấy của Giám mục Nguyễn Văn Bình trước sức ép của 2 phía: phong trào quần chúng (đặc biệt là công nhân và sinh viên), cùng với phong trào của các linh mục Tuyên úy Thanh lao công (như Trương Bá Cần, Phan Khắc Từ, Trần Thế Luân...) và/với một bên là sự đàn áp của chế độ Nguyễn Văn Thiệu với lời tuyên bố giản dị mà kiên quyết: “Nếu họ không làm chính trị mà hành động trong tinh thần bảo vệ quyền lợi chính đáng của giới lao động thì tôi không cấm họ làm theo lương tâm”. Lựa chọn con đường đứng ngoài các đảng phái chính trị để thực hiện sự đoàn kết của Dân Chúa, đóng góp với dân tộc đang trong chiến tranh với vị thế của mình là nét đặc sắc của nhân vật lịch sử này trước năm 1975.

Xin trở lại với những đóng góp của Giám mục Nguyễn Văn Bình trong những năm tiếp theo khi đường hướng Canh tân - Nhập thể của Công đồng

Vatican II cũng như đường hướng “Canh tân - Hòa giải” (giữa những năm 1970) của Tòa Thánh ngày càng ảnh hưởng sâu sắc đến Công giáo ở Miền Nam. Đã có nhiều bài viết sinh động về việc này khẳng định vai trò “nhạc trưởng” của Giám mục Nguyễn Văn Bình trong các sáng kiến lập ra nhóm “Canh tân - Hòa giải” nổi tiếng ở Miền Nam lúc đó (Nguyễn Huy Lịch, Nguyễn Ngọc Lan, Trương Bá Cần, Trần Tam Tinh, Nguyễn Văn Chung, Lý Chánh Trung...), cũng như nhóm “Sống Đạo” và *Tạp chí Nhà Chúa*, hoặc nhóm “Liên tu sĩ thành phố”⁽⁵⁾

Nhưng chúng ta cũng không thể không nhắc lại hành động sáng suốt, giá trị bậc nhất giai đoạn này của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là lời kêu gọi hết sức đúng lúc với người Công giáo Miền Nam sau ngày 30/4/1975, khi mà dòng người Công giáo trong hoảng hốt vẫn tìm cách di tản. *Thư gửi linh mục, tu sĩ, giáo dân* ngày 5/5/1975 đã trở thành tài liệu lịch sử của người Công giáo Việt Nam với lời kêu gọi tha thiết, đầy tính tiên tri: “Từ ngày 30/4/1975, chiến tranh đã chấm dứt, hòa bình đã lập lại trên đất nước thân yêu của chúng ta. Từ nay không còn bom đạn, tang tóc, hận thù, phân ly... Tất cả những tai họa đó đã thuộc về dĩ vãng. Đây là một niềm vui chung của cả dân tộc, với cái nhìn theo Đức tin của người tín hữu, đây cũng chính là một hồng ân của Thiên Chúa”⁽⁶⁾.

Lá thư này còn lộ ra đường hướng của *Thư Chung 1980*, khi Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình chỉ ra: “Hơn mọi lúc, giờ đây người Công giáo phải hòa mình vào nhịp sống của toàn dân, đi sâu vào lòng dân tộc. Thay vì để cho những tin đồn vô căn cứ làm cho chúng ta hoảng hốt, hoang mang hay khép kín, chúng ta phải hướng mình theo trào lưu của lịch sử, phải có thái độ bình tĩnh, sáng suốt và tích cực trước tình thế mới”⁽⁷⁾.

Thực ra, trước sự kiện này đã có bức *Tâm Thư* cũng rất nổi tiếng của Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền ngày 1/4/1975, trong đó đã có những câu như thế này: “Chiến tranh đã chấm dứt trên Giáo phận Huế. Đó là điều chúng ta mong ước và cầu nguyện từ 30 năm nay. Thời gian sống trong hãi hùng, lo âu qua rồi... Giờ đây đã đến lúc chúng ta hoan hỉ sẵn sàng và hăng say cộng tác với mọi người thiện chí dưới sự chỉ đạo của Chính phủ cách mạng để xây dựng lại quê hương...”. Hai tư liệu lịch sử gần như cùng một thời điểm, nhưng chỉ có một trong hai tác giả của chúng có khả năng và điều kiện đi tiếp đến đích cùng của ý nguyện.

Cần phải nói thêm rằng, Đại thắng Mùa xuân năm 1975 chưa phải là sự kết thúc của câu chuyện Công giáo và Cộng sản, Công giáo và Dân tộc. Cả hai phía Đạo - Đời, Nhà nước và Giáo hội cần nhiều thời gian hơn nữa để suy ngẫm, đối thoại và nghiệm sinh. Những tư tưởng có tính tiên tri của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình cũng vậy. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo, trong bài viết *Phục vụ công cuộc hòa giải*, có đoạn: “Hôm nay tôi lấy làm buồn phiền mà thừa nhận rằng năm 1975 tôi đã có lần phải kinh khiếp và giận giữ. Hồi ấy khi Sài Gòn sụp

đỏ, Đức cha Nguyễn Văn Bình công bố lá thư mục vụ, kêu gọi khá rõ ràng phải cộng tác với người Cộng sản chiến thắng. Hôm nay, tôi đã biết đúng hơn rằng đó là sự khôn ngoan không phải là phản bội. Miền Bắc đã chiến thắng, người Mỹ bị đẩy đi, đất nước được thống nhất. Tình cảm yêu nước là chính đáng, và chẳng không ít người trong giới trí thức Công giáo cũng chia sẻ những tâm tình đó. Nhưng không phải là các giám mục phía Bắc, lại càng không phải là Hội Thừa sai Paris (MEP), hội này cung cấp phần lớn nhân sự truyền giáo ở Việt Nam và có khuynh hướng chống Cộng triệt để.

Chế độ mới đã trục xuất các nhà truyền giáo Pháp (cũng như tất cả các nhà truyền giáo ngoại quốc khác và hiện nay cũng không muốn họ quay lại)... Các nhà cầm quyền mới đối xử với người Công giáo không chút nhẹ nhàng. Họ đóng cửa các chủng viện, đưa một số linh mục vào trại cải tạo, quốc hữu hóa trường học và nhà thương...

Vị Tổng Giám mục đã phải trải qua những năm khó khăn. Điều đó được giải thích như là “cộng tác với kẻ thù”. Nhưng qua đó, Ngài chỉ muốn thúc đẩy con chiên của mình can đảm và bình tĩnh sống Phúc Âm trong một xã hội đã thay đổi (ĐQH nhấn mạnh)... Đức cha Nguyễn Văn Bình đã là một nhà mục tử và một nhà hòa giải”⁽⁸⁾.

Những con người của những bước ngoặt lịch sử, trong Đạo cũng như ngoài Đời, thường vẫn phải đối diện với trạng thái như vậy trước khi tư tưởng của mình thực sự đến được với muôn người.

Thời điểm lịch sử thứ hai: Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình và sự thích ứng với Chủ nghĩa xã hội

Công giáo trong môi trường Chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là ở Miền Nam, sau khi Sài Gòn giải phóng ngày 30/4/1975 đã trở thành nơi tiêu biểu cho mối quan hệ này.

Trong công trình đã dẫn, C. Prudhomme và J. F Zorn đã có nhận xét về những năm tháng đầu tiên mà Giáo hội Công giáo ở Miền Nam bắt đầu trải nghiệm môi trường sống đạo mới của mình trong chế độ Xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, các tác giả này đã khẳng định ứng xử kịp thời, lựa chọn giải pháp tối ưu đối với những chính sách đầu tiên của chế độ mới ở Miền Nam, khi nhận xét rằng: “Tổng Giám mục Sài Gòn Nguyễn Văn Bình đã kêu gọi giáo dân Miền Nam tham gia ngay vào công cuộc tái thiết đất nước. Vị Giám mục này cũng đã vượt lên trước chính sách quốc hữu hóa tất yếu sẽ xảy ra bằng cách trả lại cho nhà nước trường học, bệnh viện và một phần lớn bất động sản”. Sự kiện này ít nhiều chúng ta đã phân tích từ phía hàng giáo sĩ và giáo dân, đủ thấy giá trị của sự lựa chọn.

Thứ hai, về phương diện tổ chức Giáo hội, cả hai tác giả đều thấy quá trình “giành giật quần chúng” giữa Nhà nước và Giáo hội. Tất nhiên với cái nhìn Phương Tây, các tác giả này cho rằng, việc xuất hiện ở Sài Gòn ngay từ cuối 1975 tuần báo *Công giáo và Dân tộc* hoặc Ủy ban Vận động Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh (1980) hay với việc thành lập Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam (1985 ở Hà Nội) “Có thể được xem như một giai đoạn mới trong chính sách kiểm soát của chính phủ và nỗ lực sáp nhập đạo Công giáo vào Mặt trận Tổ quốc”⁽⁹⁾.

Thứ ba, các tác giả nhận xét rằng, trong thập niên 80 đầu 90 của thế kỷ XX, cả hai phía Chính phủ Việt Nam và Tòa Thánh cũng đã có những nỗ lực bình thường hóa mối quan hệ, nhưng không phải mọi việc đã được giải quyết dễ dàng. Chẳng hạn, nếu tháng 6/1988 có sự “tranh cãi dữ dội” xung quanh việc Roma quyết định phong Thánh cho 117 vị Thánh tử đạo, nhưng rồi chính phủ Việt Nam vẫn cho phép mở lại Chung viện Thành phố Hồ Chí Minh và phong chức cho 10 linh mục. Hoặc sự kiện phức tạp liên quan đến việc Giám mục Nguyễn Văn Thuận được Tòa Thánh tấn phong làm Giám mục phụ tá kế nhiệm (coadjuteur) Tổng Giám phận Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không được sự đồng thuận của chính phủ Việt Nam. Các tác giả cũng ghi nhận, vấn đề nhân sự thể hiện chủ trương “bình thường hóa” giữa 2 bên vẫn gặt hái được kết quả quan trọng như việc cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, sau những cuộc thương lượng kéo dài và các cuộc viếng thăm của các phái đoàn Tòa Thánh đã dẫn đến việc bổ nhiệm Giám mục Phạm Minh Mẫn làm Tổng Giám mục Thành phố Hồ Chí Minh và Giám mục Nguyễn Như Thể làm Tổng Giám mục Huế khiến người ta “cảm thấy từng bước vượt qua những bất đồng”. Nói những điều này để chúng ta thấy được những cống hiến quan trọng với Giáo hội và Dân tộc của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình ở thời điểm lịch sử ấy.

Trước hết, chúng tôi muốn khẳng định lại những đóng góp to lớn của vị “mục tử” này trong thực tiễn trước và sau khi có *Thư Chung 1980*. Những người viết tiểu sử về Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, thường ghi nhận những sự kiện tiêu biểu cho việc tạo nên đường hướng sống đạo mới trong môi trường Xã hội chủ nghĩa. Từ những hoạt động buổi đầu như thành lập các ban “mục vụ kinh tế mới” và “lao động sản xuất” ngay tại Tòa Tổng Giám mục, bản thân ông đã nhiều lần tham gia các đợt lao động tại Củ Chi cùng với linh mục, tu sĩ, giáo dân của mình. Thậm chí, Tổng Giám mục cũng không ngại khuyến khích đoàn chiên của mình học tập chính trị, hăng say lao động sản xuất⁽¹⁰⁾.

Nhưng phải nói rằng, đóng góp thực tiễn quan trọng bậc nhất của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình lúc này là việc “dưới triều đại Ngài, có hai biến cố lớn” đó là, ủng hộ việc thành lập Ủy ban Vận động Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, và quan trọng hơn, ông đã cho phép các linh mục và tu sĩ được tham gia tổ

chức này với đường hướng vận động yêu nước, xây dựng quê hương và đoàn kết dân tộc⁽¹¹⁾.

Lẽ dĩ nhiên, sự kiện Đại hội các giám mục Việt Nam tiến hành tại thủ đô Hà Nội (từ ngày 24/4 đến ngày 1/5/1980), được coi là Đại hội thành lập Hội đồng Giám mục Việt Nam với bức *Thư Chung* nổi tiếng, khẳng định đường hướng “Sống Phúc Âm giữa lòng Dân tộc để phục vụ hạnh phúc đồng bào”, mà đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị.

Đã có quá nhiều bài viết khẳng định vai trò “người dọn đất và gieo mầm” cho sự kiện lịch sử này của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình. Cần nói thêm rằng, thời điểm gieo mầm cho đường hướng mục vụ ấy đã được bắt đầu ngay từ sau ngày 30/4/1975 với cả quá trình suy tư về thần học, sự vận dụng Học thuyết xã hội Công giáo theo tinh thần của Công đồng Vatican II cũng như thực tiễn của Công giáo Việt Nam mà ông là một trong những người có đóng góp quan trọng nhất.

Chúng tôi muốn khép lại bài viết này bằng những đóng góp khác, tạm gọi là những “đóng góp về lý thuyết” của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình với chủ đề không mới nhưng gai góc nhất đó là Công giáo đi với Chủ nghĩa xã hội như thế nào.

Trước hết, phải nói ngay, từ năm 1975, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã có những suy tư đầu tiên thể hiện trong phát biểu tại Hội nghị hiệp thương chính trị, thống nhất đất nước ngày 20/12/1975. Ông khẳng định lại ý kiến của Tổng Giám mục Nguyễn Kim Điền trong *Thông cáo* ngày 22/11/1975, đồng thời khẳng định đường hướng của *Thư Chung về thống nhất đất nước* ngày 5/5/1975, mà bản thân ông là tác giả: “Thống nhất trên cơ sở Chủ nghĩa xã hội có thể làm Nam Bắc sum họp, nước mạnh dân giàu, ai cũng được hạnh phúc, ai cũng được tôn trọng”. “Xã hội chủ nghĩa đích thực chính là Kitô giáo sống một cách trọn vẹn bằng cách phân chia và bình đẳng căn bản”.

Theo chúng tôi, những suy nghĩ chín muồi hơn và toàn diện hơn được thể hiện trong tham luận quan trọng của ông tại Đại hội Giám mục Thế giới 1977 với tiêu đề *Sống và truyền đạt đức tin trong môi trường Xã hội chủ nghĩa*.

Tác giả đã không e ngại, trong điểm xuất phát luận lý, nêu rõ sự khác biệt có thực lúc đó giữa những người mácxít và Công giáo trong nhiều vấn đề tư duy cơ bản. Tham luận viết: “Người Cộng sản Việt Nam nhìn Hội đồng Giám mục Công giáo Việt Nam qua những sự kiện lịch sử từ khi Tin Mừng tới Việt Nam cho đến những gì đang xảy ra hôm nay. Họ phân tích mọi yếu tố lịch sử, kinh tế, chính trị và xã hội liên quan tới việc truyền giáo và tới Giáo hội, đánh giá những yếu tố ấy dưới ánh sáng của lý luận Mác - Lê. Kết quả là người Cộng sản Việt Nam có một hình ảnh không mấy sáng sủa về Kitô giáo. Họ thấy rằng, hình ảnh mà C. Mác

đã phác họa về tôn giáo đã ứng nghiệm trong thực tế Việt Nam với nét nổi bật là sự liên hệ với đất nước. Chúng tôi nêu lên sự kiện này không phải vì mặc cảm tội lỗi, nhưng để thấy tầm quan trọng của nó đối với Giáo hội Công giáo. Người Cộng sản không muốn tranh luận lý thuyết, chỉ muốn thấy thực tế. Vậy thì Kitô hữu phải trình bày một khuôn mặt mới của Đức Kitô và Giáo hội”.

Ngày nay, khi đọc lại nhận định này, ít nhất chúng ta cũng ghi nhận đây là sự chấm hết của “nỗ lực Hồ Nai” vốn tồn tại dai dẳng trong giới Công giáo trước năm 1975 khi buộc tội người Cộng sản “tam vô” (không gia đình, không Tổ quốc, không tôn giáo). Nhưng cũng phải nói rằng, ở các thập niên 70 - 80 của thế kỷ XX, khi cục diện Chiến tranh Lạnh vẫn tồn tại, thì cuộc đối thoại Cộng sản - Công giáo vẫn không mấy thuận lợi⁽¹²⁾. Dù sao cái nhìn của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình cũng khiến người Công giáo bước đầu có thể an tâm để sống đạo, nghiệm sinh trong “môi trường mácxít”.

Điều quan trọng hơn trong tham luận này, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đã đưa ra những suy tư về “thái độ của người Kitô hữu ở Việt Nam”. Trên cơ sở tinh thần *Hiến chế Vui mừng và Hy vọng* của Công đồng Vatican II, xác lập đường hướng hợp tác với “chế độ mácxít đã được thiết lập”, kiên quyết không để tình trạng “Ghetto để sống bên lề xã hội”, người Công giáo hoàn toàn có thể sống trong môi trường ấy và “cùng với người Cộng sản xây dựng xã hội mới”.

Nhưng hành trình đó bắt đầu như thế nào và giải quyết mối quan hệ giữa Đạo và Đời ra sao trong môi trường Chủ nghĩa xã hội, tác giả cũng đã thấy được tính phức tạp mấu chốt, căn bản và còn kéo dài là: “Bước chân của chúng tôi là dứt khoát nhưng vấn đề căn bản vẫn tồn tại: làm sao chung sống, chung xây với người cộng sản mà vẫn là Kitô hữu và đem lại phần đặc thù của mình vào trong cuộc xây dựng này? Trên phương diện mục vụ, những vấn đề phát sinh từ hoàn cảnh mới này vượt quá sức chúng tôi nếu nhìn theo con mắt loài người. Các tín hữu cũng như chính những người đang có trách nhiệm mục vụ hôm nay chưa được chuẩn bị để sống trong xã hội mácxít. Chúa Thánh thần vẫn đang hoạt động, nhưng chúng tôi phải hợp tác với Ngài”.

Những suy tư thần học ấy được Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình đặt trong khuôn khổ “vấn đề cấp bách” với công tác mục vụ và giáo dục của bản thân Giáo hội là vấn đề giảng dạy giáo lý trong môi trường Xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù chưa thể đi vào những mệnh đề thần học căn bản, những luận điểm chủ yếu của *Học thuyết Xã hội Công giáo*, nhưng những suy tư của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình vào thời điểm lịch sử ấy vẫn có ý nghĩa “tiên tri” như nhận xét của nhiều trí thức Công giáo, trường hợp Linh mục Nguyễn Hồng Giáo chẳng hạn. Chúng ta có thể nói thêm trường hợp bài *Phúc Âm, một động lực tuyệt hảo để sống tinh thần Xã hội chủ nghĩa* (phát biểu tại cuộc họp Liên Tu sĩ, ngày 4/6/1976). Ông nhắc nhở cộng đoàn Công giáo và giới tu sĩ đường hướng

“Canh tân và Hòa giải”, “Đối thoại và Hòa hợp dân tộc” mà Giáo hội đã khẳng định từ năm 1975 cần phải coi đó vừa là một đòi hỏi của dân tộc, đất nước, đồng thời cũng là đòi hỏi của Tin Mừng.

Người Kitô hữu Việt Nam nói chung cần khẳng định xuất phát điểm có tính thần học và xã hội ấy: “Dân ta bắt đầu xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Tinh thần của Chủ nghĩa xã hội là lấy sự tương thân tương ái phục vụ cộng đồng thay thế cho sự tham lam bừa bãi để hưởng thụ riêng tư, lấy sự phục hồi phẩm giá con người và giá trị đúng đắn của lao động để thay thế cho những cơ cấu bất công và bóc lột. Kitô hữu chúng ta phải thấy rằng mình có thể tìm được trong TIN MỪNG CỦA CHÚA MỘT ĐỘNG LỰC TUYỆT HẢO ĐỂ SỐNG TINH THẦN ẤY”.

3. Vài suy nghĩ kết luận

Ngày nay, nhìn lại đường hướng “Hội nhập - Canh tân - Hòa giải” của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình trong những thời điểm lịch sử quan trọng của đất nước, chúng ta thấy vẫn còn nguyên giá trị. Đường hướng mà những nhân vật cấp tiến trong Giáo hội, tiêu biểu như trường hợp Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình, đã dày công vun đắp vẫn luôn có ý nghĩa với Giáo hội và Dân tộc hôm nay. Tuy thế, hôm nay dường như có những tiếng nói “xét lại” đường hướng ấy. Cần có những cảnh báo cần thiết mà hai phía Đạo - Đời từ góc độ của mình khắc phục, tuyệt đối tránh sự lây lan của nó.

Những di sản thần học và đường hướng phục vụ của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là điều ngày hôm nay vẫn tiếp tục phải đào sâu suy nghĩ phát huy nó trong hoàn cảnh mới. Để nghiên cứu sâu sắc và toàn diện những cơ sở thần học và giáo huấn xã hội của đường hướng ấy trước hết phải là công việc của chính giới trí thức trong Giáo hội chưa nói là những nỗ lực chung của giới tôn giáo học nước nhà. Đáng rằng, một trong những ngọn nguồn của tư tưởng mới về thần học và giáo huấn xã hội ấy bắt nguồn từ dấu ấn cách mạng của Công đồng Vatican II, nhưng nó cũng là những suy tư, đóng góp, sáng tạo của chính những người Công giáo Việt Nam, tiến bộ và sâu đậm tình tự dân tộc.

Mặt khác, chưa bao giờ như hôm nay, bài học của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình để lại còn thể hiện ở chỗ cần phải tạo ra rộng rãi hơn nữa xu thế đối thoại giữa Đạo và Đời, Nhà nước và Giáo hội. Dường như ở nước ta từ trước đến nay, điều này chưa trở thành một thói quen, thậm chí một hình thức cần thiết trong sinh hoạt chính trị - xã hội thời hiện đại. Cả hai phía Đạo và Đời cần có những nỗ lực để tạo điều kiện cho xu thế này hiện hình và vận hành theo những chiều hướng tích cực, góp phần cơi giở những vướng mắc mà cái đích của nó không gì khác hơn là việc củng cố và khẳng định, cũng như với mọi tôn giáo của nước Việt thân yêu, Giáo hội Công giáo Việt Nam ngày càng có khả năng thích ứng hội nhập và đồng hành với Chủ nghĩa xã hội như chính sự mong mỏi của Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình.

Chúng tôi cho rằng, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là nhân vật của những thời điểm lịch sử quan trọng nhất của đất nước những thập niên gần đây, lịch sử của cả Đạo và Đời. Hơn thế nữa, ông còn là hình mẫu nhân vật mà ngày hôm nay, cả Đạo và Đời vẫn cần thiết sự có mặt./.

CHÚ THÍCH:

1. C. Prudhomme và J. F. Zorn, “Des christianismes très minoritaires dans une Asie démographiquement dominante”, trong *L' Histoire de Christianisme*, Vol. 13, Paris: 657.
2. Thiện Cẩm, *Đức Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình với Thư chung 1980*, tham luận tại *Hội thảo 40 năm Thư Chung của Hội đồng Giám mục Việt Nam* tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo, ngày 28/6/2010.
3. Giáo phận Sài Gòn đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, không kể 2 Giáo phận Đà Lạt và Mỹ Tho được tách ra, là một giáo phận lớn nhất: với 27 giáo hạt, 263 họ đạo chính, 284 họ đạo lẻ, 583 linh mục triều, 125 linh mục dòng, 567.455 giáo hữu (xem *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 1964*, Sài Gòn, 1964: 313-314).
4. Bản thân Giám mục Nguyễn Văn Bình trước khi về nhậm chức ở Tổng Giáo phận Sài Gòn, ngày 2/4/1961 đã có công lớn khi sắp đặt đời sống bình thường hóa cho hơn nửa triệu người Công giáo di cư. Ông cũng quan tâm, hạn chế những đổ ố giữa người Công giáo Nam và Bắc, tạo nên những họ đạo pha trộn vùng miền, dòng tu, hội đoàn, cho tới các trường tư thục Công giáo. Ông không những là người Công giáo Miền Nam yêu nước thiết tha mà còn sớm là người nổi tiếng khi tham gia đoàn Giám mục Việt Nam đi dự Công đồng Vatican II với những kiến nghị độc đáo lúc đó: dùng tiếng Việt trong Thánh lễ, đổi mới cơ cấu sinh hoạt mục vụ ở địa phương, hội nhập văn hóa dân tộc (xem *Thỉnh nguyện thư của tín hữu Việt Nam*).
5. Cũng trong bài viết của Linh mục Thiện Cẩm nói trên, tác giả nhận xét rằng, với những hoạt động phong phú, thiết thực, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình là người “dọn đất sẵn sàng, đón lửa tro bông” (TV 65,10), đồng thời cũng tạo ra “những thửa ruộng thơm giống cho *Thư Chung 1980*”.
6. Xem cuốn *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*, Công giáo và Dân tộc, 1995: 38.
7. Xem cuốn *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*, Công giáo và Dân tộc, 1995: 38.
8. Nguyễn Hồng Giáo (2008), *Một chặng đường Giáo hội Việt Nam*, Học viện Phanxicô: 153-154. Lưu hành nội bộ.
9. *L' Histoire de Christianisme*, Vol.13, Paris, 2002: 714.
10. Xem bài *Tiểu sử Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình (1910-1995)* của Phạm Ngọc Trân, trong cuốn *Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình*, tư liệu đã dẫn: 11. Năm 1977, tham luận tại Đại hội Giám mục Thế giới, Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình tóm tắt kết luận: “Ai thấy mình có đủ khả năng trình bày giáo lý bằng ngôn ngữ mácxít, làm ơn chỉ giúp chúng tôi”.
11. Ngày 17/1/1980, Ủy ban này ra mắt với 53 thành viên, phần lớn là linh mục và tu sĩ, là cơ sở để năm 1983, chuyển thành Ủy ban Đoàn kết Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Tổng Giám mục Nguyễn Văn Bình không chỉ ủng hộ về đường hướng mà còn có những quan hệ đặc biệt với những nhân vật chủ chốt của tổ chức này như trường hợp Linh mục Võ Thành Trinh, để cụ thể hóa đường hướng hoạt động của nó. Điều này thể hiện tập trung trong bài *Đã đến lúc chúng ta không thể lưỡng lự được nữa*, phát biểu tại cuộc họp trừ bị thành lập Ủy ban Vận động Công giáo Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9/1/1980, trong đó có câu: “Sở dĩ lúc đầu tôi chưa thể tán thành việc chúng ta thành lập Ủy ban Liên lạc Công giáo ngay được là vì trong quá khứ, do một số bất đồng, Tổ quốc này chưa được sự ủng hộ hoàn toàn của giới Công giáo và hàng giáo phẩm ngoài Bắc... Tuy nhiên, tôi muốn nói là hôm nay tôi tới đây nghĩa là tôi không chống đối, tôi không do dự mà trong những điều kiện tốt, có thể được, bao giờ tôi cũng nâng đỡ tổ chức này. Tôi muốn nâng đỡ là vì muốn nhằm đến tinh thần dân tộc và lòng yêu quê hương, Tổ quốc”.
12. Nếu đối chiếu với quan điểm hôm nay, chẳng hạn của Andrew Collier trong cuốn *Christianity and Marxism*, Routledge, London, 2001, chúng ta thấy rõ khoảng cách này. Tác giả một mặt cho rằng, trong xã hội hiện đại “chính Kitô giáo và Chủ nghĩa Mác có nhiều điểm chung hơn so với Chủ nghĩa tự do (Liberalism) hoặc Chủ nghĩa phi tôn giáo mới (Neo - Paganism) là những

khuyến hướng gắn gũi với xã hội tư bản công nghiệp”. Đồng thời tác giả cũng cho rằng, để cuộc đối thoại hôm nay có hiệu quả hơn, “những người mácxít nên học niềm tin và người Kitô giáo nên học “Chủ nghĩa Cộng sản”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình, Công giáo và Dân tộc, 1995.
2. Linh mục Nguyễn Hồng Giáo (2008), *Một chặng đường Giáo hội Việt Nam*, Học viện Phanxicô. Lưu hành nội bộ.
3. *L' Histoire de Christianisme*, Vol. 13, Paris, 2002.
4. *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 1964*, Sài Gòn, 1964.

ARCHBISHOP NGUYỄN VĂN BÌNH - A FIGURE OF SOME HISTORICAL PERIODS

From 1954 to now, in history of Vietnamese Catholic there have been many prominent figures whose names have associated with historical events of Church and Nation. Among them there is Archbishop Nguyễn Văn Bình. This article helps readers to find the contributions of Archbishop of Sài Gòn Archdiocese (later Archdiocese of Hồ Chí Minh City) Nguyễn Văn Bình “a figure of some historical periods” of Vietnamese Catholic. His ideas and works, especially orientation on “Integration - Innovation - Reconciliation” in the importantly historical moments of the country remain values at present.

Key words: Archbishop Nguyễn Văn Bình, Vietnam Catholicism, Vietnam Council of Bishops, Vietnam Committee for Solidarity of Vietnamese Catholics